

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 104/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Hòa

Ông: Lưu Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2015/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2015 về “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1050/2018/QĐXX- ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trương Thị Y, sinh năm 1970, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định.

-Bị đơn: Anh Lương Thanh H, sinh năm 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1936 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C:

+Anh Lương Văn T, sinh năm 1955, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định.

+Chị Lương Thị H, sinh năm 1960, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

+Chị Lương Thị M, sinh năm 1970, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện M, tỉnh Bình Định.

2.Chị Lương Thị Kim O, sinh năm 1990, có mặt.

3.Chị Lương Thị K, sinh năm 1993, vắng mặt.

4.Chị Lương Thị N, sinh năm 1996, có mặt.

5.Chị Lương Thị L, sinh năm 1998, có mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/06/2015 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trương Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Y đăng ký kết hôn với anh Lương Thanh H tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định vào năm 1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Y, anh H sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là vợ chồng không có con trai từ đó anh H thường xuyên uống rượu về nhà đánh chị Y, chị Y không thể chịu được những trận đòn của anh H nên đã bỏ đi làm ăn từ năm 2007 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện anh H chung sống như vợ chồng với người đàn bà khác từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 04 người con chung là Lương Thị Kim O, sinh ngày 20/10/1990, Lương Thị K, sinh ngày 20/02/ 1993, Lương Thị N, sinh ngày 05/5/1996 và Lương Thị L, sinh ngày 15/10/1998. Hiện chị O và chị K đã có chồng, chị N và chị L ở với chị Y. Các con của chị Y, anh H đã trên 18 tuổi nên khi vợ chồng chị Y ly hôn các con có nguyện vọng ở với ai là do các con quyết định.

Về chia tài sản: Tài sản chung của vợ chồng gồm:

-01 thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² (200 m² đất ở và 1427,3 m² đất trồng cây hàng năm khác) và 01 ngôi nhà cùng công trình phụ và cây lâu niên có trên thửa đất;

-02 thửa đất đất trồng cây hàng năm khác, hiện đang trồng mì gồm: 01 thửa đất số 253, tờ bản đồ số 24, diện tích 451,9 m² và 01 thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 24, diện tích 315,2 m²;

-03 thửa đất chuyên trồng lúa nước gồm: 01 thửa số 1106, tờ bản đồ số 20, diện tích 1119,6 m²; 01 thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,2m² và 01 thửa đất số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m².

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định. Hiện anh H đã cho anh T là anh ruột của anh H làm 02 thửa đất chuyên trồng lúa nước là thửa số 176 và thửa số 1026 và 01 thửa đất hàng năm khác là thửa số 253. Các thửa đất và các tài sản còn lại hiện chị Y đang sử dụng và canh tác.

Ly hôn, chị Y yêu cầu chia đôi thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39 cho Chị và anh H, Chị yêu cầu được nhận hiện vật và ở ngôi nhà vì hiện nay Chị không có chỗ ở. Đối với các thửa đất hiện anh H cho anh T canh tác Chị yêu cầu anh T phải trả lại cho vợ chồng Chị. Chị yêu cầu Tòa chia các thửa đất chuyên trồng lúa nước và thửa đất hiện đang trồng mì theo định xuất.

Về nợ chung của vợ chồng: Năm 2008 vợ chồng Chị có vay tiền cho sinh viên ăn học của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định số tiền là 51.100.000 đồng nhưng hiện nay chị Y đã trả xong số nợ trên (tiền gốc và tiền lãi) cho Ngân hàng rồi. Nay chị Y yêu cầu anh H trả lại cho Chị 32.000.000 đồng tiền Chị đã trả cho ngân hàng theo như lời trình bày của anh H tại biên bản hòa giải ngày 16/11/2015.

Tại bản khai đề ngày 02/11/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn gia đình mà nguyên nhân chính là chị Y không đồng ý mỗi khi anh H đi chơi với bạn. Từ đó vợ chồng luôn cãi nhau, trong lúc tức giận anh H có đánh chị Y thì chị Y bỏ nhà đi từ năm 2007 đến năm 2010 chị Y mới về nhà. Khi chị Y về nhà thì anh H ra ngoài sống riêng. Nay chị Y yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh H trình bày thống nhất như lời trình bày của chị Y.

Về chia tài sản: Tài sản chung của vợ chồng gồm:

-01 ngôi nhà cùng công trình phụ và cây lâu niên có trên thửa đất của ông bà anh H là thửa số 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² (200 m² đất ở và 1427,3 m² đất trồng cây hàng năm khác);

-02 thửa đất trồng cây hàng năm khác, hiện đang trồng mì gồm: 01 thửa đất số 253, tờ bản đồ số 24, diện tích 451,9 m² và 01 thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 24, diện tích 315,2 m²;

-03 thửa đất chuyên trồng lúa nước gồm: 01 thửa số 1106, tờ bản đồ số 20, diện tích 1119,6 m²; 01 thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,2m² và 01 thửa đất số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m².

Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định. Hiện anh H đã cho anh T là anh ruột của anh H làm 02 thửa đất chuyên trồng lúa nước là thửa số 176 và thửa số 1026 và 01 thửa đất hàng năm khác là thửa số 253. Các thửa đất và các tài sản còn lại hiện chị Y đang sử dụng và canh tác.

Ly hôn, anh H yêu cầu chia các thửa đất trồng cây hàng năm khác và các thửa đất chuyên trồng lúa nước theo định xuất. Riêng ngôi nhà anh không đồng ý chia mà để lại cho các con ở. Thửa đất 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² không phải là tài sản chung của vợ chồng nên Anh không yêu cầu chia.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh H thừa nhận vợ chồng có vay tiền cho các con ăn học, số tiền vay là 51.100.000 đồng đúng như lời chị Y trình bày. Anh H đồng ý trả 32.000.000.000 đồng cho phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định. Số tiền còn lại chị Y có trách nhiệm trả.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lương Văn T trình bày: Anh T là con ruột của bà Nguyễn Thị C và là anh ruột của anh H. Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² tọa lạc tại thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là của ông bà để lại. Sau giải phóng Anh xin thửa đất này để mẹ Anh và em Anh là anh H xây dựng nhà ở. Ngôi nhà hiện có trên thửa đất là của mẹ Anh, các công trình phụ là của vợ chồng anh H xây dựng. Các thửa đất trồng cây hàng năm khác và các thửa đất chuyên trồng lúa nước đã được Nhà nước cấp theo định xuất trong hộ của vợ chồng anh H, chị Y. Hiện nay Anh đang canh tác 02 thửa đất chuyên trồng lúa nước là thửa số 176, tờ bản đồ số 24, thửa số 1026, tờ bản đồ số 20 và 01 thửa đất hàng năm khác là thửa số 253, tờ bản đồ số 24. Nếu vợ chồng chị Y, anh H ly hôn Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật. Riêng các thửa đất Anh đang canh tác tòa giải quyết giao trả cho ai thì Anh sẽ giao cho người đó.

+ Chị Lương Thị H trình bày: Chị H là con ruột của bà Nguyễn Thị C và là chị ruột của anh H. Các tài sản mà chị Y khai là tài sản chung của vợ chồng, chị H cho rằng đó là tài sản của mẹ chị để lại. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+Chị Lương Thị M trình bày: Chị M là con ruột của bà Nguyễn Thị C và là em ruột của anh H. Thừa đất số 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² tọa lạc tại thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định và các tài sản có trên đất là có công sức đóng góp của mẹ Chị nên Chị yêu cầu chia cho mẹ Chị. Các thửa đất trồng cây hàng năm khác và các thửa đất chuyên trồng lúa nước thì Chị không có ý kiến gì.

+Chị Lương Thị Kim O và chị Lương Thị K đồng trình bày: Hai Chị là con ruột của chị Y, anh H. Chị O, chị K có tên trong hộ khẩu tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hai Chị. Nay ba, mẹ ly hôn chị O, chị K yêu cầu Tòa án chia đất màu, đất trồng lúa theo định xuất. Chị O, chị K yêu cầu được hưởng phần đất đã cấp cho hai Chị.

+Chị Lương Thị N và chị Lương Thị L đồng trình bày: Hai Chị là con ruột của chị Y, anh H. Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, chị N và chị K chưa ra sinh ra nên hai Chị không có phần đất chung trong hộ gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, không xét. Về chia tài sản chung: Chia thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² cho chị Y và anh H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, chị Y là phụ nữ nên giao ngôi nhà cho chị Y sở hữu. Các thửa đất còn lại chia theo định xuất đã được Nhà nước cân đối giao quyền theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ. Buộc anh H phải trả lại cho chị Y 32.000.000 đồng tiền vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Lương Thanh H đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tòa để tham gia tố tụng tại phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi liên quan và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi liên quan: Anh Lương Văn T và chị Lương Thị M đã được niêm yết và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do; chị Lương Thị H, chị Lương Thị K có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi liên quan và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trương Thị Y và anh Lương Thanh H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không sinh được con trai. Từ đó, anh H rượu chè, bê tha về nhà gây chuyện đánh chị Y nhiều lần. Như vậy, anh H đã có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân của Anh, Chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, Chị đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị Y và anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy nếu có duy trì, bảo vệ hạnh phúc của chị Y, anh H chắc chắn không mang lại kết quả gì. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Y, anh H được thuận tình ly hôn.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Y, anh H có 04 con chung. Hiện các con của Anh, Chị đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xét.

[5] *Về chia tài sản*: Tài sản tranh chấp của chị Y, anh H đã được Hội đồng định giá ngày 03/4/2018 xác định giá trị tài sản như sau:

[6] Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, diện tích 1627,3m² (200 m² đất ở và 1427,3 m² đất trồng cây hàng năm khác), trị giá 149.215.000 đồng. Thửa đất này anh H, bà C cho rằng đất có nguồn gốc của Ông, Bà để lại. Tuy nhiên các Anh, Chị không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi đó chị Y cho rằng đất là tài sản chung của vợ chồng Chị; Chị đã xuất trình chứng cứ là “Đơn xin đất cất nhà” của vợ chồng Chị do anh H viết vào ngày 29/12/1989 đã được Hợp tác xã Mỹ Quang I và Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quang xác nhận. Vợ chồng chị Y, anh H đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1990 cho đến nay, không có ai tranh chấp và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại giấy chứng nhận số CH08688 ngày 05 tháng 6 năm 2015 cho chị Y và anh H.

[7] Một ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, trị giá, 24.186.081 đồng. Ngôi nhà này bà C và anh H khai là tài sản của bà C nên không đồng ý chia. Tuy nhiên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà C và anh H không xuất trình được chứng cứ để chứng minh ngôi nhà là của bà C xây dựng. Trong khi đó tại bản khai đầu tiên vào ngày 02/11/2015 và biên bản hòa giải đầu tiên vào ngày 16/11/2015 anh H khai ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp với lời khai của chị Y.

[8] Như vậy, chị Y xác định thửa đất và ngôi nhà nêu trên là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, chị Y và anh H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất. Chị Y có nhu cầu về chỗ ở nên yêu cầu chia hiện vật là chính đáng, ai nhận hiện vật có giá trị cao hơn thì thôi cho người nhận hiện vật có giá trị thấp

hơn. Do đó, xét giao cho chị Y ngôi nhà và phần đất có diện tích 982,7m² cùng các cây lâu niên có trên đất gồm 11 cây dừa và 05 cây mít, tổng giá trị là 122.575.931 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi mốt) đồng; giao cho anh H phần đất có diện tích 644,6m² cùng công trình phụ là 01 nhà tắm, 01 bể nước và 01 giếng nước cùng các cây lâu niên có trên đất gồm 05 cây dừa và 01 cây mít, tổng giá trị là 79.680.625 (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng. (Có sơ đồ kèm theo).

[9] Các tài sản hai bên khai thông nhất được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C theo Nghị định 64/CP của Chính phủ gồm:

+02 thửa đất đất màu, hạng 13 hiện đang trồng mì gồm: Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 24, diện tích 451,9 m² và thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 24, diện tích 315,2 m²;

+03 thửa đất chuyên trồng lúa nước gồm: Thửa số 1106, tờ bản đồ số 20, diện tích 1119,6 m², ruộng 2 lúa, hạng 5; thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,2m², ruộng 2 lúa, hạng 5 và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m², ruộng 3 lúa, hạng 3.

Hiện nay ông T đang canh tác 02 thửa ruộng và 01 thửa đất màu gồm: thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,2m², thửa đất số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m² và thửa đất số 253, tờ bản đồ số 24, diện tích 451,9 m². Xét thấy cần buộc ông Th phải trả lại để chia cho những người được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất.

[10] Tại thời điểm cấp đất gồm 05 nhân khẩu là bà Nguyễn Thị C, vợ chồng anh Lương Thanh H, chị Trương Thị Y cùng hai con là Lương Thị Kim O và Lương Thị K. Hiện nay phương án cân đối giao quyền bị mất nên không có căn cứ để xác định chia theo quy chuẩn cấp ruộng đất cho từng cá nhân. Tuy nhiên, những người được cấp đất là người trong gia đình nên Tòa xét phân chia tuy có chênh lệch nhưng là những người thân thuộc hưởng nên xét chia như sau:

+ Giao cho bà C (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) được sử dụng ½ thửa đất ruộng hạng 3, thửa số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m² (Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được sử dụng 487m²);

+Giao cho ông H được quyền sử dụng ½ đất ruộng hạng 3, thửa số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m²(anh H được sử dụng 487m²);

+Giao cho chị Y được quyền sử dụng thửa ruộng 2 lúa, hạng 5, số thửa 1026, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,2m² ; 02 thửa đất màu hạng 13, số thửa 253, tờ bản đồ số 24, diện tích 451,9 m² và thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 24, diện tích 315,2 m²;

+Giao cho hai con là Lương Thị Kim O và Lương Thị K mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa ruộng 02 lúa, hạng 5, số thửa 1106, tờ bản đồ số 20, diện tích 1119,6 m²(mỗi người sử dụng 559,8m²).

[11] Về nợ chung: Chị Y và anh H khai thống nhất vợ chồng có vay 51.100.000 (Năm mươi một triệu một trăm nghìn) đồng của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị Y thống nhất anh H trả 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng cho Ngân hàng, số tiền còn lại chị Y trả. Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đòi nhưng anh H bỏ đi không có mặt ở địa phương nên chị Y đã trả nợ cho Ngân hàng xong. Do đó, buộc anh H phải trả lại cho chị Y 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng là phù hợp.

[12] Như vậy, Chị Y nhận tài sản hiện vật có giá trị lớn hơn (122.575.931 đồng), sau khi trừ số tiền 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng anh H phải trả lại cho chị Y thì chị Y phải chia giao cho anh Lương Thanh H phần chênh lệch tài sản là 5.447.653 (Năm triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng.

[13] Chi phí xem xét định giá tài sản là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng, chị Y, anh H mỗi người phải chịu 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm chục nghìn) đồng. Số tiền này chị Trương Thị Y đã tạm ứng trước. Buộc anh Lương Thanh H phải trả lại cho chị Y 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm chục nghìn) đồng.

[14] Về án phí :

+Án phí ly hôn: Chị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

+Án phí chia tài sản chung: Chị Y, anh H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C, chị O và chị K phải chịu án phí giá ngạch đối với trị giá phần tài sản mà mỗi người được chia; riêng anh H còn phải chịu án phí về nghĩa vụ tài sản đối với số tiền anh phải trả cho chị Y (Chị Y chịu 6.606.600 đồng, anh H chịu 6.757.363 đồng, bà C, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C chịu 900.950 đồng ; chị O và chị K mỗi người phải chịu 923.670 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 55 và Điều 59, 61, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Trương Thị Y và anh Lương Thanh H được thuận tình ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: Tòa không xét.

3. *Về chia tài sản chung*:

Giao cho chị Trương Thị Y được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản hiện có tại thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định gồm:

+ Phần đất có diện tích 982,7m² nằm trong thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, có giới cận:

- Đông giáp đường đi bê tông có chiều dài theo mặt đường là 21m;
- Tây giáp thửa đất số 13 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19;
- Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39, chia cho anh H, có chiều dài 22,5m;
- Bắc giáp thửa đất số 2, thửa đất số 4 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 19.

(Có bản vẽ kèm theo).

+ 01 ngôi nhà cấp N8, N9 xây dựng trên phần đất cùng 11 cây dừa và 05 cây mít hiện có trên phần đất nêu trên.

Tổng giá trị tài sản chị Y nhận là 122.575.931(Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi một) đồng.

+ Thửa ruộng 2 lúa, hạng 5, số thửa 1026, tờ bản đồ số 20, diện tích 200,2m² và 02 thửa đất màu hạng 13, số thửa 253, tờ bản đồ số 24, diện tích 451,9 m² và thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 24, diện tích 315,2 m².

Giao cho anh Lương Thanh H được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản hiện có tại thôn 3, xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định gồm:

+ Phần đất có diện tích 644,6m² nằm trong thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39 có giới cận:

- Đông giáp đường đi bê tông có chiều dài theo mặt đường là 12m + 4m;
- Tây giáp thửa đất số 13 và thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19;
- Nam giáp thửa đất số 23, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 19;
- Bắc giáp phần đất chia cho chị Y trong thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39 có chiều dài 22,5m.

(Có bản vẽ kèm theo).

+ 01 giếng nước và một nhà tắm, bể nước cùng 05 cây dừa và 01 cây mít hiện có trên phần đất nêu trên.

Tổng giá trị tài sản anh H nhận là 79.680.625 (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

+ $\frac{1}{2}$ thửa đất ruộng hạng 3, thửa số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m² (Anh Hùng được sử dụng 487m²);

Buộc anh Lương Thanh H phải trả lại cho chị Trương Thị Y 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng tiền chị Y đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định.

Buộc chị Trương Thị Y phải thanh toán cho anh Lương Thanh H phần chênh lệch tài sản (Sau khi trừ số tiền phải trả 32.000.000 đồng anh H phải trả cho chị Y) là 5.447.653 (Năm triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị C (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) được sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất ruộng hạng 3, thửa số 176, tờ bản đồ số 24, diện tích 974m² (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được sử dụng 487m²).

+Giao cho hai con của anh H, chị Y là Lương Thị Kim O và Lương Thị K mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa ruộng 02 lúa, hạng 5, số thửa 1106, tờ bản đồ số 20, diện tích 1119,6 m² (mỗi người sử dụng 559,8m²);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chi phí xem xét định giá tài sản là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng, chị Y, anh H mỗi người phải chịu 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm chục nghìn) đồng. Số tiền này chị Trương Thị Y đã tạm ứng trước. Buộc anh Lương Thanh H phải trả lại cho chị Y 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm chục nghìn) đồng.

4. Về án phí:

Chị Trương Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng chị Y đã nộp theo Biên lai thu số 02812 ngày 30/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, chị Y còn phải nộp 100.000 (Một trăm nghìn) đồng.

Án phí chia tài sản chung:

+Chị Trương Thị Y phải 6.606.600 (Sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 750.000 (Bảy trăm năm

mười nghìn) đồng chị Trương Thị Y đã tạm ứng theo biên lai thu số 02811 ngày 30/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ. Chị Y còn phải nộp 5.856.600(Năm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng;

+Anh Lương Thanh H phải chịu 6.757.363 (Sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi ba);đồng;

+Bà C (Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm: anh T, anh H, chị H, chị M) phải chịu 900.950(Chín trăm nghìn chín trăm năm chục) đồng (Mỗi người phải chịu 225.237 đồng);

+Chị Lương Thị Kim O và Lương Thị K mỗi người phải chịu 923.670(Chín trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bảy chục) đồng.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của anh H, anh T, chị H, chị M, chị K được tính từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã Q, UBND xã M, UBND xã T và UBND xã V, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKS Phù Mỹ;
- THA Phù Mỹ;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thắm

